TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:187/2018/ LĐ-PT
Ngày: 02/02/2018
V/v "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Bùi Liên Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Hồng Phượng - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Châu Hiệp Phát - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/01 và 02/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/LĐPT ngày 06/11/2017 về việc "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

Do bản án lao động sơ thẩm số 1998/2017/LĐ -ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 472/2018/QĐ-PT ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Thái K**
Địa chỉ: 95/34/14 đường L, phường T, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần T**
Địa chỉ: 172 (lầu 9 – 10) đường H, phường Đ, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị Thu H1 (Theo giấy ủy quyền số 449/UQ.TMS.2017 ngày 19/12/2017)

Do có kháng cáo của bị đơn **Công ty Cổ phần T** .

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn ông Phạm Thái K trình bày:***

Ông Phạm Thái K và Công ty Cổ phần T (sau đây gọi tắt là Công ty) ký kết Hợp đồng thử việc số 60/HĐLĐ-TC-TMS/2015 ngày 08-9-2015, thời gian thử việc 2 tháng. Sau thời gian thử việc, ngày 09-11-2015 ông K và Công ty ký kết Hợp đồng lao động số TMS0756 HĐLĐ 2015, thời hạn hợp đồng 12 tháng, từ ngày 09-11-2015 đến ngày 08-11-2016; Chức vụ: Trưởng nhóm kinh doanh; Lương cơ bản: 8.924.000 đồng; Phụ cấp, thưởng theo quy định của Công ty;

Quá trình làm việc, ông luôn hoàn thành nhiệm vụ và tuân thủ các quy định của Công ty. Tuy nhiên, ngày 21-01-2016, Công ty ra Thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 về việc ngưng hợp đồng lao động với ông lý do: Ban lãnh đạo công ty nhận thấy nhân sự không phù hợp với môi trường của Công ty và không phối hợp tốt với các phòng ban liên quan. Thời gian chấm dứt làm việc từ ngày 25-01-2016, thời gian chấm dứt hợp đồng lao động ngày 08-3-2016 theo Quyết định số 05/QĐ.TGĐ.TMS/2016 ngày 21-01-2016. Công ty chỉ thanh toán tiền lương đến tháng 01-2016 và đã trả sổ bảo hiểm, ông K xác định chưa nhận bảo hiểm thất nghiệp, hiện ông đang làm việc tự do.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc Công ty Cổ phần T thanh toán tiền lương trong thời gian ông không được làm việc (từ ngày 01-02-2016 đến ngày 15-9-2017) là 17,5 tháng: 18.000.000 đồng x 17,5 = 315.000.000 đồng;

- Bồi thường hai tháng tiền lương do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 18.000.000 đồng x 2= 36.000.000 đồng;

- Bồi thường khoản tiền do vi phạm thời gian báo trước việc chấm dứt hợp đồng lao động (ra thông báo ngày 21-01-2016 về việc chấm dứt hợp đồng ngày 25-01-2016) : (18.000.000 đồng : 30) x 25 ngày = 15.000.000 đồng.

Tổng cộng: 366.000.000 đồng; Thanh toán trong thời hạn 1 tuần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty nhận ông trở lại làm việc.

** Công ty Cổ phần T là bị đơn uỷ quyền cho ông Nguyễn Hữu Anh T, ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị Thu H1 đại diện trình bày:*

Công ty xác nhận có ký kết Hợp đồng lao động số TMS0756 HĐLĐ 2015 ngày 09-11-2015 như nguyên đơn trình bày.

Ngày 21-01-2016, Công ty ra Thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 và Quyết định số 05/QĐ.TGĐ.TMS/2016 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông K kể từ ngày 08-3-2016, tức đã thông báo trước hơn 30 ngày. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K lý do: Không hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (điều 10.2 nội quy lao động); Không đáp ứng tiêu chuẩn chức danh; Không phát triển được khách hàng mới; Mối quan hệ với đồng

nghiệp trong công ty và sự phối hợp công việc với các phòng ban chưa tốt; Không có cách quản lý phù hợp, không hỗ trợ cho nhân viên trong công việc; chồng chéo trong việc tiếp cận khách hàng với nhân viên cấp dưới.

Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với ông K, cụ thể: Chi trả lương cho ông K đến ngày 07-3-2016 bao gồm: lương tháng 01-2016 là 13.762.431 đồng, tháng 02-2016 là 7.986.980 đồng; tháng 3-2016 (từ ngày 01 đến ngày 07-3-2016) là 1.963.280 đồng, trừ thuế thu nhập cá nhân 1.378.776 đồng, tổng cộng số tiền ông K đã nhận là 15.032.343 đồng theo phiếu chi ngày 02-02-2016.

Do dó, Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu nguyên đơn đồng ý hòa giải thì Công ty đề xuất hỗ trợ nguyên đơn 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

* Tại bản án lao động sơ thẩm số 1998/2017/LĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1 , xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tuyên bố Công ty Cổ phần T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K là trái pháp luật.

Huỷ Thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 ngày 21-01-2016 của Công ty Cổ phần T về việc ngưng hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K.

Huỷ Quyết định số 05/QĐ.TGĐ.TMS/2016 ngày 21-01-2016 của Công ty Cổ phần T về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K.

Buộc Công ty Cổ phần T phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông K tính từ ngày 01-02-2016 đến ngày 08-11-2016 và bồi thường 02 tháng tiền lương, tổng cộng là 177.251.958 (một trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt ngàn, chín trăm năm mươi tám) đồng.

Thời hạn trả 01 tuần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần T chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần T còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc:

- Buộc Công ty Cổ phần T phải nhận ông Phạm Thái K trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động đã giao kết.

- Buộc Công ty Cổ phần T phải trả lương cho ông Phạm Thái K trong những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử và bồi thường cho ông K khoản tiền do vi phạm quy định về thời hạn báo trước.

3/ Chấm dứt quan hệ lao động được xác lập giữa Công ty Cổ phần T và ông Phạm Thái K theo Hợp đồng lao động số TMS0756 HĐLĐ 2015 ngày 09-11-2015, kể từ ngày 08-11-2016.

4/ Về án phí: Công ty Cổ phần T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 5.317.559 (năm triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm năm mươi chín) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2017 bị đơn Công ty Cổ phần T nộp đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hủy bản án sơ thẩm số 1998/2017/LĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/10/10/2017 Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 có Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-KNPT-LĐST với nội dung:

Về nội dung: Căn cứ theo bảng lương chi tiết của công ty cung cấp thì lương hàng tháng của ông K bao gồm lương cơ bản, lương thành tích. Căn cứ theo bản lương này nhận thấy, số tiền thành tích có sự biến động giữa các tháng phụ thuộc vào quy định chính sách thưởng thành tích sales số 332/QĐ-TMS 2010 ngày 30/8/2010 của công ty ban hành. Ngoài ra căn cứ vào hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần T và ông Phạm Thái K ký ngày 09/11/2015, căn cứ danh sách lương của cán bộ nhân viên công ty do Công ty Cổ phần T cung cấp đều thể hiện mức lương cơ bản 8.924.000 đồng là căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho ông K. Do đó, Tòa án Quân 1 lấy mức lương bình quân của ông K trong tháng 11,12/2015 và tháng 01/2016 làm cơ sở cho việc tính bồi thường thiệt hai cho ông K là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng như trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Công ty Cổ phần T ủy quyền cho ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị Thu H1 đại diện trình bày: Công ty cho ông K nghỉ việc đúng quy định pháp luật nên không đồng ý bồi thường, tại tòa án sơ thẩm xử bồi thường theo mức lương cơ bản nhưng khi ra quyết định thì bồi thường gấp đôi.

- Ông K trình bày: Ông K rút yêu cầu công ty đóng BHXH từ tháng 02/2016 đến 11/2016 cho ông, còn các khoản bồi thường thì ông yêu cầu y án sơ thẩm xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghi Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu Công ty Cổ phần T đóng BHXH từ tháng 02/2016 đến 11/2016 cho ông K; Rút 1 phần

kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 về mức đóng BHXH cho ông K và Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần T .

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông K xin rút yêu cầu Công ty Cổ phần T đóng BHXH,BHYT,BHTN từ tháng 02/2016 đến 11/2016 cho ông K vì ông trình bày ông đã nhận sổ BHXH nên không cần công ty đóng BHXH,BHYT,BHTN.

Xét việc rút yêu cầu trên của ông K là hoàn toàn tự nuyện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yều cầu của ông K về việc yêu cầu Công ty Cổ phần T đóng BHXH,BHYT,BHTN từ tháng 02/2016 đến 11/2016.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh rút 1 phần kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 về mức đóng BHXH cho ông K.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 1 phần kháng nghị số số 06/ QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 về mức đóng BHXH cho ông K.

Đối với yêu kháng cáo của Công ty Cổ phần T cho rằng công ty cho ông K nghỉ việc đúng quy định pháp luật nên không đồng ý bồi thường.

Xét; Ngày 09-11-2015 Công ty Cổ phần T và ông K ký kết hợp đồng lao động số TMS0756 HĐLĐ 2015, thời hạn hợp đồng 12 tháng (từ ngày 09-11-2015 đến ngày 08-11-2016); Chức vụ: Trưởng nhóm kinh doanh; Lương cơ bản: 8.924.000 đồng; Phụ cấp, thưởng: theo quy định của Công ty.

Ngày 21-01-2016, Công ty ra Thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 về việc ngưng hợp đồng lao động với ông K, lý do: Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy nhân sự không phù hợp với môi trường của Công ty và không phối hợp tốt với các phòng ban liên quan; thời gian chấm dứt làm việc tại Công ty từ ngày 25-01-2016. Cùng ngày 21-01-2016, Công ty ban hành Quyết định số 05/QĐ.TGĐ.TMS/2016 chấm dứt Hợp đồng lao động với ông K theo Thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 ngày 21-01-2016; thời gian chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 08-3-2016.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty cho rằng lý do chấm dứt hợp đồng lao động với ông K vì ông K không hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (điều 10.2 nội quy lao động); không đáp ứng tiêu chuẩn chức danh; không phát triển được khách hàng mới. Nhưng trước khi ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông K thì phía công ty không có văn bản nào gởi đến ông K về việc ông không hoàn thành nhiệm vụ, tại phiên tòa phúc thẩm công ty có cung cấp cho tòa biên bản họp ngày 20/01/2016 có nội dung xem xét năng lực, hiệu quả công việc qua thư phản ánh của công đoàn và nhân viên về nhân sự Phạm Thái K. Trong cuộc họp này thì không có mời ông K tham dự. Phía ông K cho rằng quá trình làm việc Công ty không có định mức cụ thể, không có bảng mô tả công việc… nên không thể nói ông K không hoàn thành nhiệm vụ. Ngoài ra ông K không có biết gì về buổi họp ngày 20/01/2016 và trước khi ra thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 ngày 21-01-2016 ông K không nghe công ty nói hay có văn bản nào gởi đến ông K cho rằng ông K không hoàn thành nhiệm vụ.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy công ty cho ông K nghỉ việc không đúng theo quy định của pháp luật nên căn cứ tại Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật " Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất hai tháng lương theo hợp đồng lao động…. Trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận lại người lao động và người lao động đồng ý, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này và trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật này, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động." Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông K là trái luật là có cơ sở.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính mức bồi thường cho ông K tính trên mức bình quân của ông K trong tháng 11,12/2015 và tháng 01/2016 làm cơ sở trả tiền lương cho ông K trong những ngày không được làm việc là chưa chính xác. Đồng thời Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 cũng có kháng nghị về phần này của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Ông K trình bày, mức lương cơ bản của ông là 8.924.000đồng/tháng, phụ cấp vị trí công việc là 55.660đồng/tháng, còn lại là mức thưởng thành tích tùy theo thành tích của mỗi tháng.

Theo quy định tại Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012 quy định về tiền lương là khoản tiền lương mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận. Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác…

Theo hướng dẫn tại Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ- CP ngày 12-01-2015 thì; Các khoản bổ sung khác là khoản tiền bổ sung ngoài bổ sung mức

lương, phụ cấp lương và có liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động, trừ tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ, trợ cấp của người sử dụng lao động không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động. Như vậy, mức thưởng thành tích không làm căn cứ để tính trả tiền lương trong những ngày ông K không được làm việc cho ông K mà chỉ tính trên (mức lương cơ bản của ông là 8.924.000đồng/tháng, phụ cấp vị trí công việc là 55.660đồng/tháng, tổng cộng là 8.979.600 đồng) Do đó hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần này và được tính lại như sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01-02-2016 đến ngày 08-11-2016 là: 9 tháng 8 ngày x 8.979.600 đồng/tháng = 83.809.600 đồng;

- Bồi thường 2 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là 8.979.600 đồng/ tháng x 2 = 17.959.200 đồng.

Tổng cộng là 101.768.800đồng.

Ông K đã nhận thanh toán lương nghỉ việc là 10.887.280 đồng, do đó Công ty có trách nhiệm trả cho ông K 90.881.520 đồng. Thời hạn thanh toán: 01 tuần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên: Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần T chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần T còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Là không đúng nên điều chỉnh lại cho chính xác theo Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều này được hướng dẫn tại điểm b, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ- CP ngày 12/01/2015.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS- LĐ ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Cổ phần T. Sửa 1 phần của bản án sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

Đối với những phần quyết định khác của án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Do sửa bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử sẽ xác định lại nghĩa vụ nộp tiền án phí của các đương sự.

Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải nộp là 2.726.446đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng cho Công ty Cổ phần T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022055 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 244 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 42, Điều 90, Điều 96 Bộ Luật lao động năm 2012; Điều 21; điểm b, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ- CP ngày 12/01/2015 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Điều 6,7, 7a, 7b, 9,30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS- LĐ ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Cổ phần T .

2. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 1998/2017/LĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố Công ty Cổ phần T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K là trái pháp luật.

Hủy Thông báo số 37/TB-TGĐ-TMS.2016 ngày 21-01-2016 của Công ty Cổ phần T về việc ngưng hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K.

Hủy Quyết định số 05/QĐ.TGĐ.TMS/2016 ngày 21-01-2016 của Công ty Cổ phần T về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Phạm Thái K.

Chấm dứt quan hệ lao động được xác lập giữa Công ty Cổ phần T và ông Phạm Thái K theo Hợp đồng lao động số TMS0756 HĐLĐ 2015 ngày 09-11-2015, kể từ ngày 08-11-2016.

Đình chỉ yêu cầu của ông K về việc yêu cầu Công ty Cổ phần T đóng BHXH,BHYT,BHTN từ tháng 02/2016 đến 11/2016 .

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 1 phần kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS - LĐ ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quân 1 về mức đóng BHXH của ông K.

Buộc Công ty Cổ phần T phải thành toàn cho ông K các khoản sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01-02-2016 đến ngày 08-11-2016 là: 9 tháng 8 ngày x 8.979.600 đồng/tháng = 83.809.600 đồng;

- Bồi thường 2 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là 8.979.600 đồng/ tháng x 2 = 17.959.200 đồng.

Tổng cộng là 101.768.800đồng.

Ông K đã nhận thanh toán lương nghỉ việc là 10.887.280 đồng, do đó Công ty có trách nhiệm trả cho ông K 90.881.520 đồng. Thời hạn thanh toán: 01 tuần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần T chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần T còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần T phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 2.726.446đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng cho Công ty Cổ phần T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022055 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Tp.HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (16)

Phan Thị Út